TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7- V	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2025
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Khoa.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- V.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-Hồ GĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXXST-Hồ GĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/QĐST-Hồ GĐ ngày 23/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ C, sinh năm: 1981; Địa chỉ (cũ): 361, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là ấp B, xã C, tỉnh V

- Bị đơn: Ông ồ hiêu Văn T, sinh năm: 1975; Địa chỉ (cũ): 361, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là ấp B, xã Châu Hòa, tỉnh V

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị Mỹ C trình bày:

Bà và bị đơn là ông ồ hiêu Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 09/02/2004. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. ồ guyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên là ồ hiêu Minh H, sinh ngày 02/11/2003, hiện nay đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà đi làm ăn xa, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23 tháng 9 năm 2025, ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Bùi Thị Mỹ C là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông ẩ hiêu Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 09/02/2004 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà C và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà C trình bày, bà và ông T đã xảy ra mâu thuẫn nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông T từ năm 2022 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Sau khi bà C có yêu cầu xin ly hôn với ông T, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà C và ông T hàn gắn, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà C và ông T đoàn tụ được. Việc ông T vắng mặt là ông T đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà C, đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà C không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án đã động viên bà C trở về cùng đoàn tụ với ông T nhưng bà C không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà C và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà C cho bà C được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* bà C và ông T có 01 con chung tên là ả hiêu Minh H, sinh ngày 02/11/2003, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, bà C không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* bà C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ ả ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Bùi Thị Mỹ C được ly hôn với ông ả hiêu Văn T.

2. *Về con chung:* Bà Bùi Thị Mỹ C và ông ả hiêu Văn T có 01 con chung tên là ả hiêu Minh H, sinh ngày 02/11/2003, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Bùi Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0000247 ngày 16/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh V. Bà C đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSả D khu vực 7- V;
- THADS tỉnh V;
- TAả D tỉnh V;
- UBả D xã C, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền